

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bính.
2. Bà Nguyễn Thị Việt Sáu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thảm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị P1 – sinh năm 1994**

*Địa chỉ:* Khu phố 4, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: **Ông Ngô Văn H - sinh năm 1997.**

*Địa chỉ:* Khu phố 4, phường Đ1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

(Bà P1 có mặt, ông H vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P1 và ông Ngô Văn H có sự tự nguyện tìm hiểu từ năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ1, thành phố P vào ngày 08/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà mẹ ruột ông H ở khu phố 4, phường Đ1, thành phố P, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông H không còn hiểu nhau; tình cảm vợ chồng đã hết; ông, bà cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bà P1 đã đưa con về nhà mẹ ruột của bà ở khu phố 4 phường T, thành phố P sinh sống cho đến nay. Trước đây bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án thành phố P thụ lý đơn khởi kiện của bà vào ngày 16/12/2020; sau đó bà cho ông H một cơ hội cuối cùng để hàn gắn nên rút đơn khởi kiện, ngày 20/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thực tế từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay ông H và bà mạnh ai nấy sống, ông H cũng không gặp hay liên lạc với bà. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà đã hết tình cảm với ông H nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị P1 xác nhận bà và ông H có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Như Y, sinh ngày 25/8/2017. Hiện con đang ở với bà, nếu ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông H thường xuyên vắng nhà nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định. Tuy nhiên, ông Ngô Văn H không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo số điện thoại bà H cung cấp, Tòa án có liên hệ với ông H qua số điện thoại: 0867884340 nhưng không liên lạc được.

Theo biên bản xác minh ngày 06/5/2021 tại Công an phường Đ1, thành phố P thì ông Ngô Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường Đ1 theo hộ của ông Ngô Văn H số sổ 3974, hiện nay ông H có mặt tại địa phương. Theo biên bản xác minh ngày 01/4/2021, Trưởng ban điều hành khu phố 4, phường Đ1, thành phố P xác nhận mâu thuẫn giữa bà P1 và ông H, địa phương không nắm được, chỉ biết từ tháng 11/2020 đến nay bà P1 không còn chung sống với ông H tại địa phương.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P1, xử cho bà P1 được ly hôn ông H. Về con chung, giao con chung Ngô Nguyễn Như Y, sinh ngày 25/8/2017 cho bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét; về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: bà P1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Ngô Văn H được Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở khu phố 4, phường Đ1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P1 và ông Ngô Văn H có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ1, thành phố P theo giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 08/12/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn bà P1 và ông H chung sống hòa thuận hạnh phúc tới tháng 10/2020, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà P1 xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau. Thực tế từ tháng 11/2020 đến nay ông H, bà P1 đã không còn chung sống với nhau, mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm trao đổi với nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại. Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thấy phù hợp với lời trình bày của bà P1. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của bà P1 và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả bà P1 và ông H đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình; bà P1 yêu cầu được ly hôn với ông H; ông H cũng không có mong muốn đoàn tụ, thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án ông H cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P1 được ly hôn với ông H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P1 và ông H có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Như Y, sinh ngày 25/8/2017. Nếu ly hôn bà P1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng này của bà P1 là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do bà P1 chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P1.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị P1 được ly hôn với ông Ngô Văn H.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị P1 xác nhận bà và ông H có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Như Y, sinh ngày 25/8/2017. Sau khi ly hôn, giao con chung cho bà Nguyễn Thị P1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị P1 chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Nguyễn Thị P1 và ông Ngô Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết ông H, bà P1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị P1 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị P1 đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 004195 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Bà Nguyễn Thị P1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/7/2021). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường Đ1;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thủy Tiên**